

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc
2. Bà Châu Hồng Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Bùi Hồng L, sinh năm 1987;

Thường trú: 315 ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đ;

Tạm trú: 282/9B khu phố L, phường T, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn Bé Đ, sinh năm 1987;

Thường trú: Ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đ;

Tạm trú: 282/9B khu phố L, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Bùi Hồng L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Bùi Hồng L và anh Lê Văn Bé Đ, tìm hiểu nhau được thời gian, thì đăng ký kết hôn vào năm 2010 theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Đ cấp ngày 23/6/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và được hai bên gia đình đồng ý.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp T, xã Q, huyện B, tỉnh Đ đến năm 2014 vợ chồng lên thành phố D, tỉnh B sinh sống và làm việc cho đến nay. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống, ngoài ra anh Đ thường xuyên uống rượu, bài bạc gây nợ nần, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng anh chị ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Nay chị Phan Bùi Hồng L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Bé Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hồng M, sinh ngày 02/11/2009. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Lê Văn Bé Đ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, cháu M đang sống cùng với chị L.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung (nghĩa vụ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Văn Bé Đ:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu anh Lê Văn Bé Đ có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của chị Phan Bùi Hồng L nhưng anh Đ không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Vào ngày 27/7/2020 Tòa án triệu tập anh Đ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, nhưng anh Đ vắng mặt không có lý do. Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa đối với anh Đ nhưng anh vẫn vắng mặt hai lần liên tiếp, đồng thời cũng không có ý kiến và cũng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện anh Đ đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của chị L. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Văn Bé Đ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Phan Bùi Hồng L có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Lê Văn Bé Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa vào các ngày 21/8/2020 và ngày 10/9/2020 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Bùi Hồng L và anh Lê Văn Bé Đ là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Đ, theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Đ cấp ngày 23/6/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của chị L thì thực tế cuộc sống vợ chồng của chị L và anh Đ có nhiều mâu thuẫn. Chị L xác định mâu thuẫn vợ chồng nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, cách sống, ngoài ra anh Đ thường xuyên uống rượu, bài bạc gây nợ nần, dẫn đến vợ chồng thường

xuyên cãi nhau, vợ chồng anh chị ly thân từ giữa năm 2019 đến nay. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập anh Đ đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Đ không đến tham gia hòa giải và cũng không tham gia phiên tòa, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và cả hai bên đều không muốn hàn gắn. Anh Đ cũng không có ý kiến phản bác về những mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng như chị L trình bày là đúng và đã thật sự trầm trọng. Vì vậy, chị Lyêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa chị Phan Bùi Hồng L và anh Lê Văn Bé Đ có 01 con chung tên Lê Hồng M, sinh ngày 02/11/2009, hiện nay chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Khi ly hôn chị L yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Anh Đ vắng mặt không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của chị L. Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng cần phải xem xét về mọi mặt và đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu là con gái, từ trước đến nay chị Loan là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, đồng thời cháu cũng có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Vậy nên giao con chung Lê Hồng M, sinh ngày 02/11/2009 cho chị Phan Bùi Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn; đảm bảo tiếp tục duy trì cuộc sống bình thường về mọi mặt của cháu, phù hợp với nguyện vọng của cháu và cũng phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phan Bùi Hồng L không yêu cầu anh Lê Văn Bé Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của chị L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của chị Phan Bùi Hồng L với anh Lê Văn Bé Đ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Bùi Hồng L chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Bùi Hồng L được ly hôn với anh Lê Văn Bé Đ (theo giấy chứng nhận kết hôn số 78, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Đ cấp ngày 23/6/2010).

2. Về con chung: Anh Lê Văn Bé Đ giao con chung là cháu Lê Hồng M, sinh ngày 02/11/2009 cho chị Phan Bùi Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, chị Phan Bùi Hồng L phải tạo điều kiện cho anh Lê Văn Bé Đ thăm nom con, không ai có quyền cản trở anh Đ thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phan Bùi Hồng L về việc không yêu cầu anh Lê Văn Bé Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phan Bùi Hồng L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0040432 ngày 13/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D, tỉnh B.

6. Nguyên đơn chị Phan Bùi Hồng L và anh Lê Văn Bé Đ vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố D;
- CCTHADS thành phố D;
- UBND xã Q, huyện B, tỉnh Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Thanh

